

-----  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2023*

## **BÁO CÁO**

**Thường niên năm 2022**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

### **I. Thông tin chung**

#### *1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 23GP/KDBH
- Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 700.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: 19 Phường Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.6288 3030
- Số fax: 028.3822 7619
- Website: [www.vass.com.vn](http://www.vass.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): IFA
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - + Ngày 07/11/2003: thành lập theo Giấy phép thành lập số 23GP/KDBH.
  - + Ngày 28/01/2004: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 72.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng và thành lập Chi nhánh Hà Nội.
  - + Ngày 26/5/2004: thành lập thêm 05 chi nhánh: Miền Đông, Miền Trung, Miền Tây, Bình Dương và Khánh Hòa.
  - + Ngày 19/8/2004: thành lập Chi nhánh Tây Ninh.
  - + Ngày 14/12/2004: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng.
  - + Ngày 24/02/2005: thành lập các chi nhánh: Hải Phòng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Thừa Thiên – Huế, Thanh Hóa, Long An, Tiền Giang, Bình Định, Lâm Đồng.
  - + Ngày 22/5/2006: thành lập chi nhánh Bình Thuận và chi nhánh An Giang.
  - + Ngày 18/10/2006: thành lập các chi nhánh: Sơn La, Hưng Yên, Hòa Bình.
  - + Ngày 13/02/2007: tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng.
  - + Ngày 06/11/2007: thành lập Văn phòng Miền Trung.
  - + Ngày 30/12/2009: tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 đồng lên 345.000.000.000 đồng.
  - + Ngày 30/7/2010: tăng vốn điều lệ từ 345.000.000.000 đồng lên 375.000.000.000 đồng.
  - + Ngày 03/11/2010: tăng vốn điều lệ từ 375.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng.
  - + Ngày 18/3/2011: thành lập chi nhánh Nam Sài Gòn, Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Thủ đô.
  - + Năm 2012: thực hiện tái cấu trúc hoạt động của công ty: điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng xuống 40.000.000.000 đồng. Đồng thời, chấp thuận nhà đầu tư góp vốn thêm 260.000.000.000 đồng.
  - + Ngày 30/5/2014: chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên thành 300.000.000.000 đồng.





chạy theo doanh thu và cạnh tranh phi kỹ thuật.

- + Nâng cao chất lượng nhân sự thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo và đãi ngộ, có chính sách đưa nhân sự ra nước ngoài đào tạo.
  - + Tăng cường việc giám sát và thực thi tính tuân thủ toàn công ty.
  - + Luôn luôn hoàn thiện và tối ưu hóa quy trình phù hợp với tình hình kinh doanh công ty.
  - + Tăng cường công tác phòng chống trục lợi bảo hiểm.
  - + Thực hành tiết kiệm.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
- + Tuân thủ các quy định của cơ quan chính phủ, đặc biệt là Bộ Tài chính.
  - + Cạnh tranh lành mạnh và tuân theo các quy định kỹ thuật trong bảo hiểm phi nhân thọ.
  - + Sản phẩm bảo hiểm phù hợp với người tiêu dùng Việt.
  - + Đảm bảo được lợi ích khách hàng, nhân viên và cổ đông.
  - + Mục tiêu lợi nhuận.
  - + Nơi làm việc mong đợi.
  - + Nơi đầu tư lý tưởng.
  - + Tăng cường đóng góp các chương trình vì đồng bào Việt.

5. Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)

- + Chịu sự áp lực cạnh tranh phi kỹ thuật, giảm giá, tăng chi phí nhằm tăng thị phần của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.
- + Nhân sự kinh doanh luôn thay đổi hàng năm, ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu.
- + Tình hình kinh tế khó khăn làm tăng khả năng trục lợi từ đại lý.
- + Mức độ kết cấu đại lý giữa đại lý khách hàng ngày càng tinh vi, làm tăng khả năng trục lợi.
- + Khách hàng ngày càng hiểu hơn về bảo hiểm, nên việc trục lợi gia tăng.
- + Khí hậu thay đổi theo chiều hướng bất lợi (hạn hán, lũ, bão...), mật độ giao thông tăng, an toàn thực phẩm không bảo đảm là những nguyên nhân chính làm tăng tỷ lệ tổn thất.
- + Đa số năng lực nhân sự chưa đạt chuẩn, chủ yếu là dựa vào kinh nghiệm, thiếu nhân sự được đào tạo chính quy chuyên ngành bảo hiểm.
- + Đạo đức của nhân sự quản lý, nhất là nhân sự cấp cao.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2022
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	427.049.540.698
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	
3. Doanh thu hoạt động tài chính	22.167.912.652
4. Thu nhập khác	35.199.142.672
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	346.707.751.881
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	
7. Chi phí hoạt động tài chính	28.868.464.811
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	106.633.317.664
9. Chi phí khác	1.066.451.644

10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.140.610.022
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	355.347.147
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	785.262.875
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	11

- Các kết quả đạt được trong năm:
- Đánh giá rà soát sản phẩm để tập trung phát triển những nghiệp vụ mang lại lợi nhuận, ngừng triển khai đối với những nghiệp vụ rủi ro cao, thua lỗ trong nhiều năm.

\* Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm	DTPS bảo hiểm gốc	DTTT bảo hiểm gốc	DTTT kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành KH
2022	420.260.447.708	514.029.038.341		
2021	964.640.555.090	918.633.448.244		
Tốc độ tăng so với năm trước	-56%	-44%		

So với năm trước, tốc độ tăng doanh thu phát sinh giảm 56% so với năm 2021, doanh thu thực thu giảm 44% so với năm 2021.

Doanh thu của công ty tập trung chủ yếu ở sản phẩm người vay tín dụng, khai thác qua kênh ngân hàng.

Năm 2022 công ty có lợi nhuận trước thuế 1,14 tỷ đồng, Công ty thực hiện nhiều biện pháp như kiểm soát chi phí khai thác, chi phí bồi thường.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- o Danh sách Ban điều hành:

### **ÔNG HUỖNH THÁI HÒA – TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính-ngân hàng

#### Quá trình huấn luyện:

- 2005-2009: Đại học Mở Tp. HCM, cử nhân tài chính ngân hàng

#### Kinh nghiệm công tác:

- 08/2022 đến nay : Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông. (Bổ nhiệm ngày 02/08/2022 theo công văn 7582/BTC-QLBH )
- 01/2021 - 07/2022 : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Bảo hiểm Công nghệ tại Bảo hiểm Viễn Đông.
- 03/2019 - 02/2020 : Giám đốc dự án kiêm Giám đốc Bảo hiểm Công nghệ
- 02/2016 - 02/2019 : Giám đốc Dự án kiêm Phó Giám đốc phòng Tái BH- Tài sản kỹ thuật

### **ÔNG TẠ VĂN KIM - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Cử nhân Kinh tế

#### Kinh nghiệm công tác:

- 06/2015 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh kiêm giám đốc Chi nhánh Tiền Giang Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông. ( Tái bổ nhiệm ngày 01/06/2022 )
- 2009 - 05/2015 : Giám đốc Chi nhánh Tiền Giang, Công ty CP Bảo Hiểm Viễn Đông.
- 2008 – 2009 : Trưởng P.Giám định PVI, Khu vực Sông Tiền, Công ty CP Bảo hiểm Dầu Khí.
- 1999 – 2008 : Giám định Chi nhánh Tiền Giang, Công ty CP Bảo hiểm Bảo Minh.
- 1995 – 1999 : Công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc tỉnh Tiền Giang.



### **ÔNG HOÀNG BÌNH MẠNH – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh

#### Quá trình huấn luyện:

- 1993 - 1996: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội – Cao đẳng kỹ thuật thông tin
- 2007-2011: Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân - Cử nhân Quản trị kinh doanh

#### Kinh nghiệm công tác:

- 04/2022 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Khu vực Miền Bắc Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông ( Bổ nhiệm ngày 19/04/2022 )
- 09/2016 : Giám đốc vùng Miền Bắc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông
- 08/2015 - đến nay : Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông
- 12/2008 - 12/2019 : Phó Giám đốc kinh doanh - Chi nhánh Quảng Ninh Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông

### **ÔNG VÕ TIẾN HƯNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Cử nhân kinh tế chuyên ngành : Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Ô tô – Máy động lực

#### Kinh nghiệm công tác:

- 04/2022 - đến nay : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh Khu vực Tp.HCM Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông. ( Bổ nhiệm ngày 19/04/2022 )
- 09/2012 - đến nay : Giám đốc Sở Giao dịch Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông
- 08/2011 - 01/2015: Giám đốc kinh doanh Ban kinh doanh Đông Sài Gòn Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông

### **ÔNG VÕ VĂN HÀO – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Cử nhân Cao đẳng chuyên ngành : Kỹ thuật Ô tô – Máy động lực

#### Kinh nghiệm công tác:

- 04/2022 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Khu vực Đông Nam Bộ Công ty CP bảo hiểm Viễn Đông ( Bổ nhiệm ngày 19/04/2022 )
- 01/2012 - đến nay: Giám đốc Chi nhánh Bình Dương
- 07/2017 - 07/2018: Giám đốc Vùng Miền Đông Nam Bộ kiêm Giám đốc Chi nhánh Vũng Tàu.
- 09/2016 - 08/2018: Giám đốc Vùng Miền Đông Nam Bộ

### **ÔNG TẠ BÌNH NGUYỄN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Cử nhân chuyên ngành : Quản trị kinh doanh

#### Kinh nghiệm công tác:

- 01/2023 - đến nay : Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Khu vực Miền Trung ( Bổ nhiệm ngày 04/07/2022 ) kiêm Giám đốc Chi nhánh Thừa Thiên Huế Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
- 07/2022 - đến nay: Phó TGĐ phụ trách kinh doanh Khu vực Miền Trung
- 01/2015 - đến nay: Giám đốc Ban Kinh doanh Đông Sài Gòn
- 06/2013 - 02/2014: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Long An

### **ÔNG ĐỖ MẠNH QUYẾT – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Cử nhân chuyên ngành: Nông học

#### Kinh nghiệm công tác:

- 05/2022 - đến nay : Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Khu vực Tây Nguyên Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông ( Bổ nhiệm ngày 06/05/2022 )
- 05/2019 - Giám đốc Khu vực Tây Nguyên
- 12/2015 - đến nay: Giám đốc Chi nhánh Lâm Đồng

19/04/2022  
G  
HIV

### **BÀ LÊ QUỲNH TRANG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Thạc sỹ khoa học bảo hiểm và tài chính

#### Quá trình huấn luyện:

- 2003-2004: Đại học Lyon I – Pháp, Thạc sỹ khoa học bảo hiểm và tài chính.

#### Kinh nghiệm công tác:

- 16/02/2017 đến 02/2023: Phó TGD Phụ trách Nghiệp vụ Bảo hiểm Ngân hàng tại Bảo hiểm Viễn Đông ( Bổ nhiệm ngày 10/03/2022 )
- 07/2014-02/2017: Giám đốc tại Công ty CP Bảo hiểm AAA
- 10/2011-10/2013: Công tác tại Ngân hàng Phương Đông.
- 10/2009-10/2011: Công tác tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

### **BÀ NGUYỄN THỊ THU HÀ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Cử nhân Kế toán

#### Quá trình huấn luyện:

- 09/1993-08/1997: Tài chính tín dụng- ĐII Tài chính kế toán Hà Nội
- 03/1999-07/1999: Chứng chỉ kế toán trưởng
- 03/2006-12/2006: Quản lý nhân sự - DH Tokyo

#### Kinh nghiệm công tác:

- 01/2021 - đến nay: Phó TGD phụ trách Tài chính ( Bổ nhiệm ngày 01/01/2022 )
- 01/2018 - 10/2022: Kế toán trưởng Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông
- 2016 - 2017: Giám đốc tài chính Công ty CP Nước Aquafone Hậu Giang
- 2004 - 2016: Kế toán Trưởng Liên minh HTX Việt Nam
- 1997 - 2004: Kế toán Liên hiệp xã Trung Ương

### **ÔNG ĐẶNG ĐỨC HOÀNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG**

- Cử nhân chuyên ngành: Kế toán

#### Kinh nghiệm công tác:

- 10/2022 - đến nay: Kế Toán Trưởng Công ty CP bảo hiểm Viễn Đông (Bổ nhiệm 10/10/2022)

o Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

o Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Số lượng cán bộ nhân viên toàn công ty năm 2022: 321 cán bộ

+ Tóm tắt chính sách:

- o Tiền lương: thực hiện theo hệ thống thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan lao động.
- o BHXH, YT, TN: Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, YT, TN theo Luật lao động và các luật liên quan.
- o Chính sách khen thưởng: Căn cứ vào hiệu quả của Công ty đạt được.
- o Đào tạo: Theo quy chế đào tạo của Công ty.
- o Chính sách nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản: theo quy định của pháp luật và theo thỏa ước lao động tập thể.

+ Chưa có thay đổi trong chính sách Nhân sự.

#### *3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty



đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)

b) Các công ty con, công ty liên kết:

#### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chi tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year	Năm/Year	% tăng giảm/ % change
	2021	2022	
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	1.172.435.740.192	1.073.985.724.377	-8%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	1.032.859.739.326	427.049.540.698	-59%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	2.277.789.090	-32.992.081.006	-1.448%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(120.225.665)	34.132.691.028	-28.391%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	2.157.563.425	1.140.610.022	-47%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	2.157.563.425	785.262.875	-64%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	31	11	-64%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year	Năm/Year	Ghi chú/Note
	2021	2022	
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i>			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn <i>(Short term Asset/Short term debt)</i>	76%	73%	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i>			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho <i>Short term Asset - Inventories</i>	97.008%	111.009%	
Nợ ngắn hạn <i>Short term Debt</i>			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản <i>(Debt/Total assets ratio)</i>	70%	68%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <i>(Debt/Owners' Equity ratio)</i>	30%	32%	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân <i>(Cost of goods sold/Average inventory)</i>			

VI  
 VII  
 C  
 B  
 B

Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( <i>Net revenue/ Total Assets</i> )	40%	88%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	0.18%	0.2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0.22%	0.62%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0.07%	0.18%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	-7.9%	0.22%
.....		

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 70.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: phổ thông.

#### b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông tổ chức: 22 cổ đông.
- Cổ đông cá nhân: 805 cổ đông.
- Cổ đông nước ngoài: 2
- Cổ đông nhà nước: không

#### c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Ngày 07/11/2003: vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng
- Ngày 14/12/2004: vốn điều lệ 200.000.000.000 đồng
- Ngày 13/02/2007: vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng
- Ngày 30/12/2009: vốn điều lệ 345.000.000.000 đồng
- Ngày 30/07/2010: vốn điều lệ 375.000.000.000 đồng
- Ngày 03/11/2010: tăng vốn điều lệ lên 400.000.000.000 đồng
- Năm 2012: điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống 40.000.000.000 đồng.
- Ngày 30/5/2014: tăng vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng.
- Ngày 16/5/2017: tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng
- Ngày 05/06/2020: tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng

#### d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

#### e) Các chứng khoán khác: không

### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

#### 6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

#### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
- b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

#### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

3  
WC  
PH  
DT  
VD  
PH



c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 321 cán bộ, mức lương trung bình đối với người lao động: 10.983.763 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Chính sách nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản: theo quy định của pháp luật và theo thỏa ước lao động tập thể.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình hàng năm: 244 giờ/năm;

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: cán bộ được cử đi đào tạo tại các khóa đào tạo của Trung tâm nghiên cứu và Đào tạo bảo hiểm, các khóa đào tạo ngắn hạn và chuyên sâu do các tổ chức đào tạo về bảo hiểm khác tổ chức theo nhu cầu học tập của chính cán bộ công nhân viên hoặc theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020
Doanh thu thực thu toàn công ty	506.325 tỷ	504.993 tỷ	1.178 tỷ đồng	1.737 tỷ đồng
Đảm bảo tỷ lệ chuyển tiền theo quy định,	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt
Chi phí quản lý trụ sở chính	14,6%	14%	0,28%	14,3%
Nợ phí bảo hiểm tối đa	2%	2%	2%	2%
Tỷ lệ bồi thường trung bình toàn công ty	10%	10%	8,75%	5%
Tỷ lệ tái tục trung bình toàn công ty	50%	50%	50%	50%
Lãi/Lỗ	5,0 tỷ	0,75 tỷ	2,2 tỷ	35,4 tỷ

- Kết quả lợi nhuận gần bằng so với kế hoạch, đạt 99,73% so với kế hoạch và chênh lệch so với kế hoạch là 1,3 tỷ. Do các nguyên nhân sau:

- + Tỷ lệ bồi thường tăng cao tăng khoảng 1,25%, tương đương tăng 1,6 tỷ.
- + Đầu tư tài chính thua lỗ 6,7 tỷ.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của công ty thể hiện ở bảng dưới đây:

TÀI SẢN	2022	2021	Tăng(+) giảm (-)
<b>A, TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)</b>	<b>449.969.027.692</b>	<b>550.959.300.359</b>	<b>-100.990.272.667</b>
I, Tiền và các khoản tương đương tiền	3.452.789.832	9.191.466.412	-5.738.676.580
II, Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	263.688.823.488	133.206.624.347	130.482.199.141
III, Các khoản phải thu ngắn hạn	109.931.510.395	261.327.196.106	-151.395.685.711
IV, Hàng tồn kho	463.849.373	496.320.714	-32.471.341
V, Tài sản ngắn hạn khác	20.955.750.729	25.482.757.763	-4.527.007.034
VI, Tài sản tái bảo hiểm	51.476.303.875	121.254.935.017	-69.778.631.142
<b>B, TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>624.016.696.685</b>	<b>621.476.439.833</b>	<b>2.540.256.852</b>
I, Các khoản phải thu dài hạn	61.608.529.488	1.581.529.488	60.027.000.000
II, Tài sản cố định	387.574.572.618	394.361.664.546	-6.787.091.928
III, Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV, Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	174.733.374.302	225.368.531.371	-50.635.157.069
V, Tài sản dài hạn khác	100.220.277	164.714.428	-64.494.151
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>1.073.985.724.377</b>	<b>1.172.435.740.192</b>	<b>-98.450.015.815</b>
<b>Chỉ số tài chính</b>	<b>2022</b>	<b>2021</b>	
1, Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	0,07%	0,18%	
2, Hiệu quả sử dụng tài sản( Doanh thu thuần/tổng tài sản)	39%	86%	

o Tổng tài sản năm 2022 là 1.073.985.724.377 đồng, giảm 98.450.015.815 đồng so với năm 2021, tương đương giảm 8,40%, một khoản giảm lớn trong tài sản, chủ yếu giảm về tiền và các khoản tương đương tiền và tài sản tái bảo hiểm.

o Hiệu quả sử dụng tài sản trong năm 2021 là 39%, phản ánh mức độ doanh thu thấp hơn so với tiềm lực về tài sản.



- Năm 2022 tỷ suất sinh lời là 0,07%

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

NGUỒN VỐN	2022	2021	Tăng(+) giảm (-)
<b>A, NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>728.466.257.976</b>	<b>826.516.021.646</b>	<b>-98.049.763.670</b>
I, Nợ ngắn hạn	617.685.402.780	729.274.642.322	-111.589.239.542
II, Nợ dài hạn	110.780.855.196	97.241.379.324	13.539.475.872
<b>B, VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>345.519.466.401</b>	<b>345.919.718.546</b>	<b>-400.252.145</b>
I, Vốn chủ sở hữu	345.519.466.401	345.919.718.546	-400.252.145
<b>Chỉ số tài chính</b>	<b>2022</b>	<b>2021</b>	
1, Tỉ số nợ ( Tổng nợ/tổng tài sản)	68%	70%	
2, Tỷ suất sinh lời trên vốn CSH (LN sau thuế/vốn CSH)	0,23%	0,62%	

- Tổng nợ phải trả trong năm 2022 giảm đáng kể so với trong năm 2021 là -98.049.763.670 đồng và chủ yếu giảm ở nợ ngắn hạn (do hòa nhập dự phòng). Tỷ số nợ cũng giảm đáng kể, hiện tỷ số nợ là 68%.
- Về tỷ suất sinh lời trên vốn sở hữu đạt 0,23% thấp hơn lãi suất huy động hiện tại của ngân hàng trung ương trong năm 2022 khoản 6%/năm.

Trong công nợ phải trả, một số khoản nợ lớn, đó là :

- Khoản phải trả Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam: 9.572.038.926 đồng
- Khoản phải trả quỹ bảo vệ người được bảo hiểm 16.795.568.634 đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.

- Trong năm 2022 về mặt quản trị rủi ro, vẫn dựa trên các quy định của năm 2016 và hoàn thiện cho phù hợp với thị trường từng năm.
- Trong năm 2022, VASS tiếp tục tập trung vào việc phát triển qua kênh bancass, nhưng doanh thu không đạt như kỳ vọng.
- Đã và đang đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ phí bảo hiểm, đặc biệt là công nợ phí quá hạn Tiếp tục rà soát và thu hồi các khoản đầu tư không hiệu quả.
- Tạm dừng triển khai các sản phẩm bảo hiểm không hiệu quả như Bảo hiểm trọn gói hộ gia đình, triển khai có chọn lọc các sản phẩm bảo hiểm có tỷ lệ bồi thường cao như bảo hiểm vật chất xe.
- Cơ cấu lại các đơn vị kinh doanh chưa đạt hiệu quả.
- Phân bổ lại việc trích lập dự phòng của một số nghiệp vụ có dự phòng dao động lớn.
- Riêng về Chuyên gia tính toán, Bảo hiểm Viễn Đông đã nộp hồ sơ đề nghị thay đổi Chuyên gia tính toán vào ngày 14/03/2023 và chờ Bộ Tài chính phê duyệt

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm nhằm chuẩn hóa việc quản lý của các phòng ban thẩm định, giám định, bồi thường, tài chính, kế toán và tái bảo hiểm.
- Đã triển khai hệ thống kinh doanh điện tử (Lian), đặc biệt là cấp giấy chứng nhận TNDS bằng điện tử.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tập trung phát triển phân khúc bancass, tổ chức (thông qua mối quan hệ quen biết của các thành viên trong ban điều hành và trong chi nhánh) và cá nhân (thực hiện việc kinh doanh theo cấp, giám đốc, trưởng đơn vị, đại lý), tăng cường việc đào tạo.
- Chuẩn hóa việc quản lý nhân sự, hành chính bằng phần mềm.
- Tăng cường các dòng sản phẩm mới cho phân khúc thu nhập trung bình và thấp.
- Phân tích sản phẩm đi sâu tới quyền lợi bảo hiểm, nhằm tận dụng tồn thất thấp, để đẩy mạnh vào thị trường.
- Tăng cường tỷ lệ tái tục và việc phục vụ khách hàng.
- Dự kiến doanh thu 2023 đạt khoản 466 tỷ đồng (Doanh thu kế hoạch thấp hơn các năm trước, vì tình hình kinh tế ảnh hưởng).

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Việc tiêu thụ điện nước và chất thải không thay đổi giữa các năm và có khuynh hướng tiết kiệm, theo tiêu chí, 1 đồng chi phí tiết kiệm là 1 đồng lợi nhuận.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Lao động là lực lượng chủ yếu quyết định sự phát triển của công ty, vấn đề mất lao động có đạo đức và giới cũng đặt lên hàng đầu.
- Mọi yếu tố rủi ro trong công ty, đều xuất phát từ rủi ro trong quản trị nhân sự.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty luôn có chính sách nhà tình thương, tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo hàng năm.
- Chương trình xây cầu ủng hộ các vùng sâu, vùng xa. Đóng góp các quỹ cứu trợ thiên tai, theo lời kêu gọi của chính quyền địa phương.
- Tham gia và tài trợ các tổ chức, hoạt động của các cơ quan chính phủ ban ngành được tổ chức hàng năm.
- Luôn cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ và tuân thủ theo các quy định của cơ quan pháp luật.

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Công ty thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được Đại hội thông qua.
- HĐQT đã có những hoạt động:
  - + Giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã ban hành.
  - + Kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động kinh doanh.



- + Giám sát hoạt động quản lý của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.
  - Thông qua Phòng Kiểm soát nội bộ và tuân thủ duy trì công tác kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*
- Trong năm 2022, Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - Xác định được những khó khăn, thách thức Công ty phải vượt qua, do đó Ban Tổng giám đốc đã chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết nội dung các công việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ mà HĐQT và ĐHDCD giao phó.
  - Ban Tổng giám đốc đã luôn bám sát kế hoạch, nhiệm vụ và mục tiêu đề ra năm 2022 và bám sát tình hình thực tiễn, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty
3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*
- Thực hiện đề án chuyển đổi số công ty
  - Tiếp tục mở rộng kênh bán bảo hiểm qua ứng dụng điện thoại di động - ứng dụng bảo hiểm LIAN
  - Nâng cao việc phục vụ khách hàng và tăng cường mối quan hệ với các cơ quan ban ngành, ngân hàng, các tổ chức tín dụng
  - Tăng cường công tác đánh giá rủi ro đầu vào để kiểm soát tốt tỷ lệ bồi thường; đặt ra nhiệm vụ cụ thể đối với Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm soát nhằm hạn chế mức thấp nhất những rủi ro.
  - Duy trì công tác xử lý giảm thiểu công nợ và thu hồi công nợ. Tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro thông qua các phòng ban chức năng.
  - Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ công tác quản lý của công ty.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Danh sách thành viên HĐQT:
  - + Bà Đỗ Thị Minh Đức - Chủ tịch;
  - + Bà Trương Ngô Sen - Phó chủ tịch;
  - + Bà Phạm Phương Chi - Thành viên.
  - + Ông Nguyễn Quang Vinh - Thành viên;
  - + Ông Lương Hồng Tháp - Thành viên
- Sớ hữu cổ phần có quyền biểu quyết:
  - Bà Đỗ Thị Minh Đức: 14.300 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,0204%
  - Ông Lương Hồng Tháp: 3.000.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 4,2857%
  - Bà Phạm Phương Chi: 4.000.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,7143%
  - Ông Nguyễn Quang Vinh: 2.700.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 3,8571%
  - Bà Trương Ngô Sen: 4.500.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,4285%
- Thành viên độc lập: không.
- Thành viên không điều hành: 04
  - + Bà Đỗ Thị Minh Đức
  - + Bà Trương Ngô Sen
  - + Bà Phạm Phương Chi

13  
 ĐHC  
 TPT  
 CH  
 VIX  
 PHC

- + Ông Nguyễn Quang Vinh
  - Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:
    - + Bà Đỗ Thị Minh Đức : 01 chức danh;
    - + Bà Trương Ngô Sen: 01 chức danh;
- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:
- Ngày 18/01/2022: họp HĐQT về việc thông qua kết quả tổng kết kinh doanh năm 2021 và định hướng kinh doanh năm 2022.
  - Ngày 15/4/2022: họp HĐQT về việc báo cáo KQKD quý 1/2022 và định hướng KD quý 2/2022; dự kiến chương trình tổ chức DHCD thường niên 2022
  - Ngày 25/4/2022: Họp HĐQT về việc thay đổi Tổng Giám đốc – ông Đặng Diệp Đại Khoa
  - Ngày 30/6/2022: Họp HĐQT về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc – ông Huỳnh Thái Hòa
  - Ngày 21/7/2022: họp HĐQT về việc báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2/2022 và định hướng KD quý 3/2022; phân quyền hạn cho Người đại diện theo pháp luật
  - Ngày 18/10/2022: họp HĐQT về việc về báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2022 và định hướng KD quý 4/2022.
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

## 2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của VASS
1	Ông Trần Đức Hoài	Trưởng Ban	21/6/2019	Không
2	Ông Đinh Hiếu Thuận	Thành viên	21/6/2019	0,0017%
3	Bà Đặng Thị Phương	Thành viên	21/6/2019	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

STT	Nội dung cuộc họp	Ngày họp	Số thành viên tham dự
1	Phân công nhiệm vụ thành viên Ban kiểm Soát cho kỳ Đại hội đồng Cổ đông 2022	05/4/2022	3/3
2	Thông qua chương trình cử Thành viên Ban kiểm soát cũng tham gia rà soát các Đơn vị điều chỉnh hoạt động.	24/10/2022	3/3

## Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành :

- Giám sát việc tuân thủ theo Điều lệ và các quy định pháp luật đối với Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị Quyết của Đại Hội đồng Cổ đông đối với HĐQT, Nghị Quyết của Hội đồng Quản Trị đối với Ban Điều Hành.
- Rà soát, đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính



năm 2022. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Tham dự, tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- Phối hợp với Phòng Kiểm soát nội bộ - Tuần thủ, Phòng Kế toán kiểm tra hoạt động, tính tuân thủ của các Đơn vị, nhân viên đối với các quy định, chính sách, quy chế nội bộ của Công ty.
- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích;

- Tổng thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022: 3,069 tỷ đồng

- Tổng lương Ban Tổng Giám đốc năm 2023: 1,37 tỷ đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- a. “Đến ngày lập báo cáo này, Chúng tôi vẫn chưa nhận được các thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2022 cho các khoản phải thu và phải trả của hoạt động nhận tái và nhượng tái bảo hiểm. Chúng tôi đã thực hiện thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng vẫn không đạt được đầy đủ các bằng chứng cho tính đầy đủ, chính xác và nghĩa vụ nợ của các khoản này. Các ảnh hưởng như sau: số dư ghi số tại ngày 31/12/2022 của khoản phải thu hoạt động nhận và nhượng tái bảo hiểm chiếm tỷ lệ 3.31% trên tổng tài sản và của các khoản phải trả hoạt động nhận và nhượng tái bảo hiểm chiếm tỷ lệ 8.11% trên tổng nợ phải trả”
- b. Theo quan điểm của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề nêu trên tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, xét trên các khía cạnh trọng yếu các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán

Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- c. Không phủ nhận ý kiến ngoại trừ nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính các mục sau: Như đã trình bày tại thuyết minh VIII.2 “thông tin về tình hoạt động liên tục”, đến ngày 31/12/2022, Ban Tổng Giám đốc hiểu rõ tình hình Công ty đang có dấu hiệu ảnh hưởng tình hoạt động liên tục. Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty vẫn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai dựa trên bảng kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc về các hành động cải thiện khả năng hoạt động liên tục cùng với sự hỗ trợ vốn từ cổ đông mới và sự hợp tác cơ cấu và giãn nợ của các chủ nợ. Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.3 “giao dịch với bên liên quan” về các khoản cho vay các bên liên quan ngắn hạn và dài hạn, Công ty đang tích cực thu hồi các khoản cho vay này.
- d. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Bộ phận CBTT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**Tổng Giám đốc**



**HUYNH THÁI HOÀ**



**CÔNG TY: CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG**

Địa chỉ: 19 Phường Khắc Khôn, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp HCM

Tel: .....



Báo cáo tài chính

Năm tài chính 2022

Mẫu số .....

**BH - BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**

Chi tiêu	Mã chi tiêu tuyệt mi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>449,969,027,692</b>	<b>550,959,300,359</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3,452,789,832</b>	<b>9,191,466,412</b>
1. Tiền	111	3,452,789,832	9,191,466,412
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>263,686,823,488</b>	<b>133,206,624,347</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	2,413,001,277	2,413,001,277
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	272,820,604,960	134,290,914,819
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(11,544,782,749)	(3,497,291,749)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>109,931,510,395</b>	<b>261,327,196,106</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	53,727,074,386	148,237,779,954
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	53,727,074,386	148,237,779,954
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	251,460,000	758,285,201
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	83,748,362,811	164,814,576,016
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(27,795,386,602)	(52,483,445,065)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>463,849,373</b>	<b>496,320,714</b>
1. Hàng tồn kho	141	463,849,373	496,320,714
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>20,955,750,729</b>	<b>25,482,757,763</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20,955,750,729	25,482,757,763
1.1. Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	151.1	20,416,085,866	24,758,401,993
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2	539,664,863	724,355,780
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	-	-
<b>VIII. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>51,476,303,875</b>	<b>121,254,935,017</b>
1. dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	44,893,569,556	107,962,999,956
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	6,582,734,319	13,291,935,061
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>624,016,696,685</b>	<b>621,476,439,833</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>61,608,529,488</b>	<b>1,581,529,488</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	61,608,529,488	1,581,529,488
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1	1,608,529,488	1,581,529,488
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2	60,000,000,000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>387,574,572,618</b>	<b>394,361,664,546</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	235,103,842,422	242,085,260,458
- Nguyên giá	222	267,688,091,104	268,160,626,795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(32,584,248,682)	(26,075,366,337)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG  
 QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>143,575,952,676</b>	<b>148,294,026,568</b>
- Nguyên giá	228		152,598,150,000	152,598,150,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,022,197,324)	(6,304,123,432)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>8,894,777,520</b>	<b>5,982,377,520</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>174,733,374,302</b>	<b>225,368,531,371</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		54,400,000,000	75,975,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		192,321,596,200	222,294,423,368
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	259		(71,988,221,898)	(72,900,891,987)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>100,220,277</b>	<b>164,714,428</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		100,220,277	164,714,428
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,073,985,724,377</b>	<b>1,172,435,740,192</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>728,486,257,976</b>	<b>826,516,021,646</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>617,685,402,780</b>	<b>729,274,642,322</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		45,905,926,411	12,755,327,328
<b>2. Phải trả người bán</b>	<b>312</b>		<b>112,736,723,790</b>	<b>104,192,111,787</b>
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		81,520,987,019	73,975,534,601
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		31,215,736,771	30,216,577,186
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4,945,933,007	3,075,122,723
5. Phải trả người lao động	315		18,230,253,621	11,797,862,661
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		14,349,070,213	62,778,932,058
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		3,585,702,624	5,648,339,875
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>13. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>329</b>		<b>419,931,793,114</b>	<b>529,026,946,090</b>
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm	329.1		145,199,835,148	226,659,772,214
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm	329.2		42,000,747,725	71,908,757,674
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		231,731,210,241	230,260,416,202
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>110,780,855,196</b>	<b>97,241,379,324</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		110,688,655,196	97,241,379,324
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		91,200,000	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>345,519,466,401</b>	<b>345,919,718,546</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>345,519,466,401</b>	<b>345,919,718,546</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700,000,000,000	700,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(102,600,000)	(102,600,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-

CÔNG TY  
 HẠN  
 MIỆM  
 CÔNG  
 CỔ PHẦN



7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		2,371,872,054	2,371,872,054
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(356,749,805,653)	(356,349,553,508)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,073,985,724,377</b>	<b>1,172,435,740,192</b>



CÔNG TY: CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIÊN ĐỒNG

Địa chỉ: 19 Phường Khắc Khoan, Phường Đakao, Quận 1, TpHCM

Tel: ..... Fax: .....

Báo cáo tài chính

Năm tài chính 2022

Mẫu số .....



**BH - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - NĂM**

Chỉ tiêu	ã chỉ tinuyệt mi	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	427,049,540,698	1,032,859,739,326
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	22,167,912,652	15,107,188,890
4. Thu nhập khác	13	35,199,142,672	717,747,019
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	346,707,751,881	690,821,773,304
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	28,868,464,811	30,608,591,323
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	106,633,317,684	324,258,774,499
9. Chi phí khác	24	1,066,451,644	837,972,684
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 +11+12+13- 20-21-22-23-24)</b>	<b>50</b>	<b>1,140,610,022</b>	<b>2,157,563,425</b>
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	365,347,147	-
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>785,262,875</b>	<b>2,157,563,425</b>
14. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	61	-	-
<b>15. Lợi nhuận sau thuế (62 = 60-61)</b>	<b>62</b>	<b>785,262,875</b>	<b>2,157,563,425</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	11	31



CÔNG TY: CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIÊN ĐỒNG  
 Địa chỉ: 19 Phường Khắc Khoan, Phường Đakao, Quận 1, TPHCM  
 Tel: ..... Fax: .....

Báo cáo tài chính  
 Năm tài chính 2022

Mẫu số .....



**BH - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT**

Chỉ tiêu	ã chỉ ti/huyết mint	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1,140,810,022.00	2,187,863,425.00
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	9,732,491,928.00	9,707,927,275.00
- Các khoản dự phòng	03	(56,869,759,186.00)	(15,060,377,662.00)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có	04	(236,003,219.00)	(51,716,177.00)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21,991,497,165.00)	(15,182,072,715.00)
- Chi phí lãi vay	06	20,653,940,163.00	11,081,449,289.00
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(47,570,217,457.11)	(7,348,120,565.00)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	110,604,335,233.11	(130,084,465,234.00)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	32,471,341.00	32,174,555.00
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập cá	11	(37,094,347,816.00)	22,066,922,830.00
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4,891,501,185.00	23,684,835,088.00
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(20,653,940,163.00)	(11,081,449,289.00)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9,909,803,323.00	(102,730,108,629.00)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(33,000,000.00)	(3,273,678,182.00)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	81,479,091.00	127,500,002.00
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(128,823,863,717.00)	(382,540,000,000.00)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	234,704,980,734.00	269,850,000,000.00
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3,570,000,000.00)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4,937,000,000.00	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24,440,025,814.89	5,931,541,806.00
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62,463,358,077.11)	(93,474,636,484.00)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghi	32	-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	98,359,086,344.00	21,968,597,829.00
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(51,760,211,389.00)	(21,792,458,953.00)
5 Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	46,598,874,955.00	178,138,876.00
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(5,974,679,799.11)	(106,028,606,247.00)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9,191,468,412.00	205,168,356,482.00
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	236,003,219.00	51,716,177.00
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 60+60+61)	70	3,452,789,831.89	9,191,468,412.00